

Số: 24/2026/QĐST-DS

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 124/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Công ty cổ phần M1

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T1 - Chức vụ: Phó giám đốc (theo văn bản uỷ quyền số 01/2024/UQ – MARS ngày 19/4/2024)

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn M - Chuyên viên xử lý nợ. (theo văn bản uỷ quyền số 2319/2025/UQ – MARS.VPB ngày 25/11/2025)

Địa chỉ: Tầng C, tòa nhà T, số B phường H, tỉnh Thanh Hóa.

- Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức vụ: Chủ tịch HĐQT quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T2 – chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Tổng Thị L – Chuyên viên xử lý nợ (theo văn bản uỷ quyền số 2561/2025/UQ – MARS.VPB ngày 25/11/2025)

Địa chỉ: Tầng C, tòa nhà T, số B đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: - Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1982; CCCD 038182047131.

- Ông Ngô Văn A, sinh năm 1978; CCCD038078025065.

(Ông A ủy quyền cho bà T3 theo giấy ủy quyền ngày 23/01/2026)

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông Ngô Văn A, bà Nguyễn Thị T3 còn nợ Ngân hàng V2 và Công ty cổ phần M1 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2309180289333 ngày 07/10/2023 tính đến ngày 27/02/2026 là 1.244.945.526 đồng. (Một tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm hai sáu đồng). Trong đó: Nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi 215.382.117 đồng, lãi chậm trả 29.563.408 đồng.

Trong đó:

- Ông Ngô Văn A, bà Nguyễn Thị T3 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền (5% hợp đồng cho vay hạn mức số LN2309180289333 ngày 07/10/2023 tổng số tiền 62.247.276 đồng. Trong đó: Nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi 10.769.106 đồng, lãi chậm trả 1.478.170 đồng.

- Ông Ngô Văn A, bà Nguyễn Thị T3 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 (95% hợp đồng cho vay hạn mức số LN2309180289333 ngày 07/10/2023) tổng số tiền là 1.182.698.250 đồng. Trong đó: Nợ gốc 950.000.000 đồng, nợ lãi 204.613.012 đồng, lãi chậm trả 28.085.238 đồng.

2.2. Về thời gian, phương thức và số tiền trả nợ: Chậm nhất vào ngày 05/5/2026 ông Ngô Văn A, bà Nguyễn Thị T3 phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 28/02/2026) cho đến khi thi hành án xong, bà T3, ông A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1.

Trường hợp ông Ngô Văn A, bà Nguyễn Thị T3 không thực hiện như đã thỏa thuận trên thì Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 có quyền làm đơn đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 và các khoản chi phí phát sinh.

Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 08, tờ bản đồ số TĐ58-2017, địa chỉ thửa đất: Đường Đ, thôn A, xã I, tỉnh Quảng Ngãi (Địa chỉ cũ là: Đường Đ, thôn A, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01908, do UBND huyện I, tỉnh Kon Tum (cũ) cấp ngày 11/12/2020 (Giấy CNQSDĐ đứng tên ông Nguyễn Thanh T4, ngày 29/6/2022 ông Nguyễn Thanh T4 chuyển nhượng cho ông Ngô Văn A và bà Nguyễn Thị T3). Theo Hợp đồng thế chấp QSD đất số 5613 ngày 28/9/2023 được công chứng tại văn

phòng C, tỉnh Kom Tum, số công chứng 5613, quyền số 09/2023.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/9/2023).

Theo biên bản thẩm định ngày 28/01/2026, thửa đất có tổng diện tích: 1059,6m². Tứ cận: Phía Đông: Giáp đất đường ĐT38, dài 25,8m; Phía Tây: Giáp đất cây xanh, dài 25,7m; Phía Nam: Giáp đất cây xanh, dài 40,6m; Phía Bắc: Giáp các thửa số 1, 2 và 3 dài 42,6m (15m+15m+12,6m).

Hiện trạng: Toàn bộ phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01908, do UBND huyện I, tỉnh Kon Tum (cũ) cấp ngày 11/12/2020 là đất trống, không có rào cọc để xác định ranh giới thửa đất. Trên phần đất xem xét, thẩm định nêu trên, tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ, chỉ có một số bụi cây cỏ dại, không có công trình hay tài sản gì khác. Không có tranh chấp với cá nhân, tổ chức nào khác.

Nếu tài sản thế chấp kê biên phát mãi không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Ngô Văn A, bà Nguyễn Thị T3 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ bằng các tài sản khác của bà ông A, bà T3 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng.

3. Về án phí: Ông Ngô Văn A, bà Nguyễn Thị T3 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.674.182 đồng (*Hai mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi tư nghìn một trăm tám mươi hai đồng*)

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M2 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.154.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi tư nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/25E số 0003674 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Thị Nga

